

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 101/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 08 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: chị Phạm Hồng V, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn N1, xã L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: anh Đoàn Văn Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 09 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 09 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Phạm Hồng V và anh Đoàn Văn Đ.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: chị Phạm Hồng V và anh Đoàn Văn Đ thừa nhận vợ chồng có 02 con chung, các cháu tên là Đoàn Bảo A, sinh ngày 24/03/2013 và Đoàn Phúc N, sinh ngày 17/06/2019. Chị V và anh Đ thoả thuận, giao hai cháu Bảo A và Phúc N cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đoàn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Phạm Hồng V.

- Về tài sản chung: chị Phạm Hồng V và anh Đoàn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Phạm Hồng V và anh Đoàn Văn Đ thỏa thuận, chị V chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0009395 ngày 30/08/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Trả lại cho chị V 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Chi cục THADS huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Đào Văn Nam**